

Số: 07/2023/QĐST-HNGĐ

D, ngày 10 tháng 02 năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 393/2022/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 12 năm 2022, giữa:

*Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị M - sinh năm 1983

*Bị đơn:* Anh Phan C - sinh năm 1981

Đều trú tại: thôn Đ, xã T, huyện D, tỉnh H.

- Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 02 tháng 02 năm 2023.

**XÉT THẤY:**

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 02 tháng 02 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:** Chị Nguyễn Thị M, anh Phan C thống nhất tự nguyện thoả thuận thuận tình ly hôn.

**2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

- Về con chung:

Đối với cháu Phan Ngọc Q - sinh năm 2005, đã trưởng thành, khỏe mạnh. Chị M và anh C không có yêu cầu gì.

Chị M được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Phan Ngọc Thảo My - sinh ngày 08/9/2020.

Anh C được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Phan Ngọc Trung Hiếu - sinh ngày 07/4/2009.

Chị M, anh C không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung. Chị M, anh C được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Trong quá trình nuôi dưỡng con chung, nếu xét thấy cần thiết chị M, anh C đều có quyền yêu cầu thay đổi nuôi con chung cũng như việc cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: không có.
- Về nợ chung: không có.
- Về án phí: chị M, anh C mỗi người phải nộp 75.000 đồng án phí HNGĐ-ST; (trong đó chị M tự nguyện nộp 75.000 đồng án phí hôn nhân gia đình cho anh C), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí HNGĐ-ST là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) mà chị M đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2021/0012317 ngày 09/12/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện D. Chị M đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình. Hoàn lại 150.000 đồng tiền tạm ứng án phí HNGĐ-ST cho chị M.

*Quy định: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành, theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án.*

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

- TAND TỈNH H;
- VKSND HUYỆN D;
- Chi cục thi hành án dân sự HUYỆN D;
- UBND xã T – huyện D- H (nơi đăng ký kết hôn);
- Các đương sự;
- Lưu án văn, hồ sơ.

**THẨM PHÁN**

**Vũ Thị Kim Vinh**